

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày 23-4-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- TH2nh phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tH2nh phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tH2nh phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2019/TLST-DS ngày 12/8/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Lâm P

Địa chỉ: đường T, phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Văn H1 (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019) - có mặt

Địa chỉ: đường X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim H2 - vắng mặt

Địa chỉ: đường P, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/01/2018 bà Phạm Thị Kim H2 có vay của ông Huỳnh Lâm P 200.000.000 đồng, không có tài sản bảo

đảm, hai bên có làm hợp đồng vay tiền được Phòng công chứng T chứng nhận. Về thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 10 ngày kể từ ngày 30/01/2018, không có lãi suất. Đến hạn bà H2 không trả cho ông P được số tiền nào, mặc dù ông P đã đòi nhiều lần.

Nay ông P yêu cầu cá nhân bà H2 phải có trách nhiệm trả cho ông P 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả 10%/năm từ ngày 10/02/2018 (ngày vi phạm) cho đến nay.

Quá trình tham gia tố tụng, Bị đơn bà Phạm Thị Kim H2 trình bày: Bà H2 xác định việc vay mượn tiền giữa ông P với bà H2 cụ thể như người đại diện của ông P trình bày là đúng. Số tiền vay ông P là để bà H2 tiêu dùng cho một số công việc của cá nhân bà H2, không liên quan gì đến gia đình chồng con bà H2. Nay ông P khởi kiện, cá nhân bà H2 có trách nhiệm trả cho ông P 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn lãi xin không tính và xin trả làm 03 lần: Tháng 1/2020 trả 70.000.000 đồng; tháng 3/2020 trả 70.000.000 đồng; tháng 5/2020 trả 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim H2 đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 30/01/2018 bà Phạm Thị Kim H2 có vay của ông Huỳnh Lâm P 200.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, không lãi suất. Về thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói 10 ngày kể từ ngày 30/01/2018. Đến hạn bà H2 không trả cho ông P là bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Do đó ông P khởi kiện yêu cầu bà H2 trả cho ông P 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả theo mức 10%/năm từ ngày 10/02/2018 cho đến nay là phù hợp theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Về phía bà H2 xin trả dần và không tính lãi suất, nhưng phía ông P không chấp nhận mà vẫn giữ nguyên yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H2. Lãi suất mà bà H2 phải trả cho ông P được tính cụ thể như sau:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} \times 02 \text{ năm} = 40.404.000 \text{ đồng}$ (từ 10/02/2018 đến 23/4/2020) = 40.404.000 đồng.

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi mà bà H2 phải trả cho ông P là 200.000.000 đồng + 40.404.000 đồng = 240.404.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông P và bà H2 phải chịu:

$240.404.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.020.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Lâm P.

Buộc bà Phạm Thị Kim H2 trả cho ông Huỳnh Lâm P 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 40.404.000 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi, bà Phạm Thị Kim H2 trả cho ông Huỳnh Lâm P số tiền: 240.404.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim H2 phải chịu 12.020.000 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Lâm P 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Lâm P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0002125 ngày 02/8/2019.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dư